

# Trách nhiệm dân sự đối với hành vi xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội

10/10/2025 10:06

(kiemsat.vn)

Hiện nay, đã có nhiều trường hợp lợi dụng mạng xã hội như facebook, zalo, youtube... để xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời tư của người khác xâm phạm đến các quyền nhân thân của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Dưới khía cạnh pháp luật dân sự, người có hành vi xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội có thể phải chịu trách nhiệm gì, những biện pháp nào có thể được áp dụng. Bài viết dưới đây tập trung phân tích, làm rõ những vấn đề này.

## 1. Một số dạng xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội

*Thứ nhất, xâm phạm đến quyền hình ảnh của người khác:* Theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 thì “cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Quyền của cá nhân đối với hình ảnh là quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, theo đó cá nhân được phép sử dụng hình ảnh và cho phép người khác sử dụng hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của người khác trên mạng xã hội chủ yếu dưới hai dạng là nhằm mục đích thương mại và phi thương mại. Tuy nhiên, khi một người tự ý sử dụng hình ảnh của người khác mà chưa được người đó đồng ý để đăng tải trên các trang mạng xã hội thì họ đã xâm phạm đến quyền nhân thân.

*Thứ hai, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác:* Theo quy định tại Điều 34 BLDS năm 2015 thì: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”. Danh dự, nhân phẩm, uy tín là những yếu tố nhân thân phi tài sản gắn liền với mỗi cá nhân, thể hiện phẩm chất, đạo đức và giá trị của mỗi cá nhân. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Những hành vi bịa đặt, đưa ra những thông tin không đúng sự thật về người khác, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác... và phát tán, lan truyền trên mạng xã hội là đã xâm phạm đến các quyền nhân thân của người khác.

*Thứ ba, xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình:* Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là những quyền nhân thân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ được quy định tại Điều 38 BLDS năm 2015. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình... phải được bản thân cá nhân, các thành viên trong gia đình đồng ý trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Các hành vi xâm phạm, tiếp cận, tiết lộ, sử dụng hoặc phát tán bằng việc đăng tải trên mạng xã hội những thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, cá nhân, gia đình như nếp sinh hoạt, thói quen, sở thích, danh tính, đặc điểm thể chất, tâm sinh lý, trình độ, học vấn, vị trí, cấp bậc công việc, thông tin khác có tính định danh hoặc được cấp riêng cho cá nhân (chứng minh thư, điện thoại, tài khoản, thẻ ngân hàng...) và những mối quan hệ xã hội, quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản của cá nhân; các thông tin liên quan đến các thành viên gia đình gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình... mà không được pháp luật cho phép hoặc cá nhân đó đồng ý thì đã xâm phạm đến quyền nhân thân.

Tuy nhiên, trên thực tế thường có sự kết hợp giữa các yếu tố nhân thân nói trên, ví dụ khi quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm hoặc quyền về đời

sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của họ bị xâm phạm thì cũng có thể xâm phạm cả quyền về danh dự, nhân phẩm, uy tín của họ.

## **2. Nội dung quy định về trách nhiệm dân sự đối với hành vi xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội**

Ở khía cạnh dân sự, trách nhiệm dân sự được đặt ra khi bên có hành vi xâm phạm tới quyền nhân thân không thực hiện nghĩa vụ phát sinh khi thực hiện các hành vi trái với quy định của pháp luật như chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại... thì phải chịu hậu quả bất lợi mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với họ trên cơ sở yêu cầu của bên bị xâm phạm. Pháp luật dân sự quy định trách nhiệm của người có hành vi xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội bao gồm: Buộc gỡ bỏ thông tin vi phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; bồi thường thiệt hại. Tùy vào những yêu cầu khác nhau của người bị xâm phạm, Tòa án có thể buộc các bên có hành vi xâm phạm phải thực hiện các biện pháp nêu trên.

*Thứ nhất*, trách nhiệm buộc gỡ bỏ thông tin, hình ảnh xâm phạm đến các quyền nhân thân. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 BLDS năm 2015 thì: “Việc sử dụng hình ảnh mà vi phạm quy định tại Điều này thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng...”. Khoản 3 Điều 34 BLDS năm 2015 thì: “Thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được...”. Như vậy, khi việc đăng tải trên mạng xã hội xâm phạm quyền nhân thân của người khác thì người xâm phạm buộc phải gỡ bỏ các thông tin đó trên các trang mạng xã hội.

*Thứ hai*, trách nhiệm buộc xin lỗi, cải chính công khai: Buộc xin lỗi, cải chính công khai được BLDS năm 2015 quy định là một trong các biện pháp xử lý đối với người có hành vi xâm phạm quyền nhân thân của người khác. Theo quy định tại

khoản 5 Điều 34 BLDS năm 2015: “Cá nhân bị thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín ngoài quyền yêu cầu bác bỏ thông tin đó còn có quyền yêu cầu người đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại”. Tuy nhiên, BLDS không đưa ra định nghĩa xin lỗi, cải chính công khai là gì? Chúng ta có thể hiểu xin lỗi là tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình; là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị chúng ta làm cho tổn thương, bị thiệt hại; là cách để bày tỏ sự hối hận; tôn trọng đối với người bị xâm phạm. Cải chính công khai là sửa chữa lại những thông tin sai lệch về một chủ thể cho đúng với sự thật để tất cả mọi người cùng được biết, để loại bỏ những thông tin sai lệch. Thực tiễn xét xử có 03 khả năng: Người bị xâm phạm yêu cầu Tòa án buộc người xâm phạm xin lỗi, cải chính công khai trên mạng xã hội (facebook, zalo...); xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú, nơi làm việc; xin lỗi, cải chính công khai trên báo chí.

Trường hợp thứ nhất, xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú, làm việc của cá nhân, trụ sở của pháp nhân là việc Tòa án xét xử theo hướng buộc người có hành vi xâm phạm trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú, làm việc, trụ sở. Ví dụ, tháng 04/2018, Tòa án nhân dân quận B xử sơ thẩm, nhận định có đủ cơ sở để xác định ông H chính là người đã đăng tải những thông tin trên lên facebook. Ông H không chỉ đăng tải thông tin về việc đề thi bị lộ mà còn khẳng định bà A và bà C đã cho học sinh của mình chép đề và lời giải phần đọc hiểu trong đề thi vào hai ngày trước khi thi. Tuy nhiên, căn cứ vào văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố D cùng các tài liệu, chứng cứ khác, có cơ sở để xác định không có sự việc lộ đề thi, từ đó Hội đồng xét xử đã buộc ông H xin lỗi công khai tại nơi làm việc của bà A là trụ sở trường THPT S, quận B”. Ở đây, Tòa án đã buộc người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trên mạng facebook phải công khai xin lỗi tại nơi làm việc của người bị xâm phạm. Trên thực tiễn xét xử, khi áp dụng biện pháp xin lỗi, cải chính công khai, Tòa án áp dụng tương đồng với khoản 1 Điều 57 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017.

Trường hợp thứ hai, đăng báo xin lỗi, cải chính công khai. Đây là việc người xâm phạm phải có trách nhiệm đăng công khai xin lỗi, cải chính trên báo theo phán quyết của Tòa án. Thực tế, việc xin lỗi công khai trên báo đối với hành vi xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội cũng đã được nhiều Tòa án áp dụng.

Trường hợp thứ ba, xin lỗi công khai trên mạng xã hội. Thực tiễn xét xử hiện nay có một số trường hợp mà cá nhân bị xâm phạm yêu cầu xin lỗi, cải chính công khai trên mạng xã hội (facebook, zalo...). Tuy nhiên, việc xin lỗi, cải chính công khai trên mạng xã hội có được chấp nhận hay không thì trong thực tiễn xét xử lại có những quan điểm khác nhau: Có quan điểm cho rằng, hiện nay việc xin lỗi, cải chính công khai trên trang mạng xã hội (facebook, zalo...) chưa được pháp luật quy định về cách thức, thủ tục cũng như các biện pháp cưỡng chế nhằm đảm bảo cho việc thi hành án nên không chấp nhận buộc xin lỗi, cải chính công khai trên mạng xã hội. Thực tế có Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của người bị xâm phạm buộc người có hành vi xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội phải xin lỗi công khai trên mạng xã hội, ví dụ trong bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B, Tòa án đã nhận định: “Việc công ty yêu cầu ông M gỡ bỏ bài viết có nội dung xúc phạm công ty và yêu cầu xin lỗi, cải chính công khai trên tài khoản facebook cá nhân của ông M là phù hợp với khoản 5 Điều 34 của BLDS năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Kỳ M gỡ bỏ bài đăng xúc phạm Công ty Cổ phần T và xin lỗi, cải chính công khai trên tài khoản facebook cá nhân của ông Trần Kỳ M”.

Theo tác giả, xâm phạm ở đâu thì tiến hành xin lỗi, cải chính công khai ở đó, vì mạng xã hội có sự lan truyền thông tin rất nhanh. Việc xin lỗi, cải chính công khai trên mạng xã hội mới đảm bảo được quyền nhân thân của người bị xúc phạm được bảo vệ một cách nhanh chóng, kịp thời.

Thứ ba, trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Theo yêu cầu của người bị xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội thì người xâm phạm có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Quan hệ giữa người sử dụng mạng xã hội để xâm phạm

và quan hệ với người bị xâm phạm các quyền nhân thân thường là quan hệ ngoài hợp đồng và thiệt hại ở đây là thiệt hại ngoài hợp đồng, nên các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thường được Tòa án vận dụng để giải quyết mối quan hệ về bồi thường thiệt hại giữa các bên. Tuy nhiên, không phải cứ có yêu cầu của người bị xâm phạm thì người xâm phạm sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì phải thỏa mãn các căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tại khoản 1 Điều 584 BLDS năm 2015 đã chỉ ra các căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, theo đó “người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”.

Như vậy, để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội thì phải thỏa mãn các căn cứ sau: Có hành vi xâm phạm các yếu tố nhân thân; có thiệt hại xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra. Yếu tố nhân thân ở đây có thể hiểu rộng hơn danh dự, nhân phẩm, uy tín được quy định tại Điều 584 BLDS năm 2015 mà có thể là đời sống riêng tư, hình ảnh... Khi các đối tượng này bị xâm phạm thì Điều 584 BLDS năm 2015 cũng được áp dụng, có thể coi những nội dung liên quan đến xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp khác của người khác. Hành vi xâm phạm các yếu tố nhân thân đó phải gây ra một thiệt hại trên thực tế mới làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nếu không có thiệt hại thì có thể xử lý theo một cơ chế khác như buộc xin lỗi. Thiệt hại ở đây có thể là thiệt hại về vật chất hoặc thiệt hại về tinh thần. Cuối cùng, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra với hành vi xâm phạm các quyền nhân thân trên mạng xã hội. Thiệt hại xảy ra là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm các yếu tố nhân thân và ngược lại, hành vi xâm phạm các yếu tố nhân thân là nguyên nhân gây ra thiệt hại. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khoản 1 Điều 604 BLDS năm 2005 quy định “người nào có lỗi cố ý hoặc vô ý xâm

phạm tính mạng... thì phải bồi thường”, trong khi BLDS năm 2015 quy định “người nào có hành vi xâm phạm tính mạng... thì phải bồi thường” (khoản 1 Điều 584). Tuy nhiên, lỗi vẫn là yếu tố phải xét đến trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bởi thông qua việc xác định ai là người có lỗi; lỗi ở hình thức nào (cố ý hay vô ý) có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chủ thể phải bồi thường gánh chịu thiệt hại, xác định mức bồi thường; xác định phần bồi thường...

Các thiệt hại được bồi thường có thể là thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Khoản 1 Điều 592 BLDS năm 2015 quy định: “Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm: Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; thiệt hại khác do luật quy định”. Trong đó, việc ấn định mức bồi thường, hình thức và phương thức bồi thường do các bên thỏa thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 585 BLDS năm 2015.

Nếu các bên không thỏa thuận được thì xác định mức bồi thường dựa theo các yếu tố sau đây: Căn cứ vào thiệt hại thực tế mà người bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm phải chịu để hạn chế, khắc phục thiệt hại; do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Những thiệt hại này phải có chứng từ, hóa đơn kèm theo...

Ngoài thiệt hại về vật chất phải bồi thường, bên xâm phạm quyền nhân thân còn có thể phải bù đắp những tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 592 BLDS năm 2015: “Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Như vậy, khoản tiền bù đắp về tinh thần do các bên tự thỏa thuận, nếu các bên không thỏa thuận được thì Tòa án phải xác định mức bồi thường về tinh thần nhưng không được vượt quá 10 tháng lương cơ sở. Và mức tối

đa 10 tháng lương cơ sở là cho 01 người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Do đó, trường hợp có nhiều người cùng bị xâm phạm trên một thông tin được đăng tải trên mạng xã hội thì mỗi người có thể sẽ được nhận mức bồi thường thiệt hại về tinh thần tối đa là 10 tháng lương cơ sở.

Cần lưu ý, về phạm vi áp dụng, Điều 592 BLDS năm 2015 chỉ quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà không quy định việc xâm phạm các yếu tố nhân thân khác như quyền hình ảnh; đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, gia đình, cơ quan... Tuy nhiên, vẫn có thể áp dụng tương tự pháp luật theo Điều 592 BLDS năm 2015 (Điều 6 BLDS năm 2015 đã quy định) để xác định mức bồi thường thiệt hại khi các yếu tố nhân thân bị xâm phạm trên mạng xã hội.

**Nguyễn Thị Trà My**

**Theo Tạp chí Kiểm sát in số 23/2024**